

TỜ TRÌNH
CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Về việc : Thông qua tài liệu chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2012

KÍNH GỬI : TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ

- Căn cứ văn bản số 2037 /TĐSD-TCKT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của tập đoàn Sông Đà về việc Hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Căn cứ văn bản số 47/TĐSD-HĐTV ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Sông Đà về việc thời gian gửi tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2012 báo cáo Tập đoàn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công ty cổ phần Sông Đà 5 đã hoàn thành tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 gồm các mục sau :

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011; Tình hình SXKD năm 2011;
2. Kế hoạch SXKD ; Kế hoạch tài chính; Kế hoạch đầu tư; Kế hoạch tín dụng; Kế hoạch huy động vốn năm 2012 .Các biện pháp triển khai thực hiện;
3. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
4. Báo cáo tình hình tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
5. Báo cáo của Ban kiểm soát công ty;
6. Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán độc lập xác nhận ;
7. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2011;
8. Phương án tăng vốn điều lệ (không có);
9. Phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, hoán đổi cổ phiếu, sáp nhập công ty(không có) ;
10. Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và kế hoạch năm 2012.

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty diễn ra đúng kế hoạch và phù hợp với quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị công ty trình Tập đoàn thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



Vũ Khắc Tiếp

Số: *13*... / SĐ5-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Thuận lợi:

- Chính phủ tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình thủy điện góp phần đảm bảo an ninh năng lượng;
- Uy tín thi công thủy điện của Công ty tiếp tục được nâng cao trên thị trường; sản xuất kinh doanh các năm trước có hiệu quả và đảm bảo mức cổ tức là động lực tiếp sức cho việc thực hiện kế hoạch năm;
- Nhiệm vụ chính, chủ yếu của Công ty tập trung tại thủy điện Sơn La, Thủy điện Lai Châu; thủy điện Hòa Na. Xây dựng nhà Quốc hội, được Chính phủ và Tập đoàn chỉ đạo với quyết tâm cao, nguồn lực cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại. Công tác điều hành cũng như việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ở công trường đã vào nề nếp; cùng với các nhóm giải pháp khắc phục khủng hoảng kinh tế, kiềm chế lạm phát của Chính phủ và văn bản số 389 ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam về các nhóm giải pháp nhằm ổn định và phát triển sản xuất năm 2011, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ tích cực từ Tập đoàn và các Ban điều hành.

Khó khăn:

- Cơ chế thanh toán, dự toán, tại một số công trình mới mở còn vướng mắc;
- Ảnh hưởng của suy thoái và lạm phát, biến động của tỷ giá, lãi vay, giá cả, áp lực về tiền lương và thu nhập của người lao động tăng cao;
- Vốn điều lệ của Công ty nhỏ so với qui mô SXKD;

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo thực hiện tốt các Quyết nghị do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua;
- Hàng quý HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đề ra kế hoạch, giải pháp để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Theo kỳ báo cáo: 6 tháng, một năm Hội đồng quản trị triệu tập họp, mở rộng tới cán bộ quản lý và điều hành để quyết nghị các biện pháp hoàn thành kế hoạch và chấn chỉnh hoạt động SXKD của Công ty:
 - + Các biện pháp quản lý, giải pháp kinh tế trong tình hình suy thoái, lạm phát và giá cả các loại vật tư chính tăng đột biến, cộng với chính sách thắt chặt cho vay của các tổ chức tài chính được ứng phó kịp thời: điều chỉnh định mức giao khoán nội bộ; tăng cường các biện pháp thu vốn, đặc biệt chú trọng ở các công trình trọng điểm như: Sơn La, Tuyên Quang, Bản Vẽ, Hòa Na và một số

công trình khác; tăng năng xuất lao động và hiệu quả sử dụng xe máy, tiết giảm chi phí...;

+ Rà soát các dự án đầu tư và chỉ đạo dừng đầu tư dự án chưa hiệu quả.

Từ biện pháp kiên quyết, trọng tâm của HĐQT đã góp phần ổn định đơn vị, thúc đẩy thực hiện thắng lợi Quyết nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2011;

+ Tăng cường chỉ đạo các biện pháp thi công hợp lý, nâng cao năng xuất theo đó thu nhập đời sống của người lao động được ổn định, chỉ đạo công tác trả lương để kích thích sản xuất;

+ Chân chính công tác đầu tư, quản lý xe máy thiết bị, công cụ dụng cụ, công tác sửa chữa, công tác chất lượng, tiến độ, biện pháp và công tác thu vốn;

+ Các biện pháp khai thác năng lực thiết bị thi công hiện có được đẩy mạnh;

+ Chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo qui chế của Công ty;

- Công tác cán bộ và tổ chức sản xuất:

+ HĐQT Bổ nhiệm thêm 01 Phó tổng giám đốc;

+ Giải thể đội trực đặc trực thuộc công ty;

+ Thành lập thêm 02 phòng chức năng: Phòng ứng dụng công nghệ và phòng dự án.

- Chân chính, chỉ đạo việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của UBCKNN;

II. KIỂM ĐIỂM CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NQ ĐHCĐ NĂM 2011

1. Công tác quản lý, đổi mới và phát triển doanh nghiệp

- Quý II năm 2011, HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác hiệu chỉnh bổ sung Điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; chuyển trụ sở chính của Công ty từ Sơn La đến tòa nhà HH4 Mỹ Đình – Hà Nội;

- Chỉ đạo xuyên suốt biện pháp nâng cao và phát triển nguồn lực của Công ty: Xây dựng phát triển nguồn nhân lực; Đầu tư nâng cao thiết bị thi công; Biện pháp nâng cao năng xuất lao động và hiệu quả thiết bị xe máy.

- Các biện pháp tín dụng, ứng vốn, thu vốn được điều chỉnh và áp dụng linh hoạt để đáp ứng nhu cầu kinh doanh và nâng cao hiệu quả;

- Chỉ đạo việc tháo dỡ, bảo quản hệ thống dây chuyền bê tông RCC tại công trình thủy điện Sơn La và triển khai vận chuyển lắp đặt tại công trường thủy điện Lai Châu, bố trí lực lượng sản xuất hợp lý tại các công trường Sơn La, Lai Châu, Hòa Na, sông Bung 4, Đắc Rinh và nhà Quốc hội;

- Công tác tổ chức, cán bộ và các mặt quản lý được thực hiện theo Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty và theo Pháp luật nên hạn chế tối đa những phát sinh;

- Quản lý vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, quản lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, trong đó: 01 dự án xây lắp thủy điện, 01 dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công, 01 dự án hủy thầu;

- Định kỳ tổ chức họp kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ; chân chính công tác quản lý đồng thời đề ra các chương trình hoạt động và ban hành nghị quyết cho các kỳ tiếp theo;

- Quyết nghị kịp thời về công tác tổ chức, địa bàn sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc phù hợp với nhiệm vụ, 

- Chỉ đạo các biện pháp tăng cường năng lực, phát triển thương hiệu Công ty trên thị trường, bằng uy tín về chất lượng và cam kết về tiến độ, năm thứ tư công ty duy trì thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam.

2. Chỉ đạo thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

a) Thực hiện các mục tiêu

Năm 2011 Công ty đã hoàn thành đúng tiến độ mục tiêu xây dựng ở các công trình:

- Thực hiện tốt các mục tiêu phục vụ phát điện tổ máy 2,3 thủy điện Sơn La; chống lũ tại thủy điện Nậm Chiến 1; công trình nhà Quốc Hội; Công trình thủy điện Xêkaman3 tại Lào đều đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư;

- Triển khai tích cực công tác xây dựng lán trại, phụ trợ, di chuyển lực lượng thi công để tham gia xây dựng công trình thủy điện Lai Châu, hoàn thành mục tiêu phục vụ khởi công, chống lũ;

- Triển khai thi công tại công trình thủy điện sông Bung 4, thủy điện Nậm Non hoàn thành theo yêu cầu của chủ đầu tư;

- Hoàn thành công tác ngăn sông chống lũ thủy điện sông Chảy 5 và chuẩn bị phát điện vào tháng 4 năm 2012;

- Kết thúc thi công tại công trình thủy lợi suối Chiếu, triển khai thi công thủy điện Đăckrinh theo yêu cầu của công trường.

b) Các chỉ tiêu kinh tế đạt được năm 2011

ĐVT : triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	% TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	827.400	973.984	117,72
2	Doanh thu	900.000	982.291	109,14
3	Lợi nhuận trước thuế	60.000	39.612	66,02
4	Mức cổ tức dự kiến (%)	20	18	90%
5	Thu nhập bình quân	4,8	5,37	112,94

c) Kế hoạch đầu tư

ĐVT : Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	% TH/KH
1	Đầu tư tài chính	38	21,7	57
-	Góp vốn vào Cty ĐTVà PT NL Sông Đà 5	38	21,7	57
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	84,683	88,384	104,3
	Tổng cộng	122,683	110,084	89,6

d) Sửa đổi điều lệ

Năm 2011 đã sửa đổi bổ xung điều lệ công ty ; Chuyển trụ sở chính công ty đến tòa nhà HH4 tại Hà Nội.

e) Thực hiện Nghị quyết ở các mặt công tác khác

- Công tác hồ sơ trước khi thi công, hồ sơ quản lý chất lượng công trình được quan tâm và lưu trữ đầy đủ, khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008;

- Duy trì việc giao, kiểm điểm đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất theo từng kỳ làm cơ sở để trả lương và khuyến khích sản xuất;
- Duy trì hoạt động của bộ phận thu vốn tập trung;
- Chỉ đạo công tác kiểm kê, báo cáo tài chính kịp thời phục vụ cho việc công bố thông tin theo quy định. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo các mặt quản lý theo Nghị quyết của HĐQT và quy định của Nhà Nước, của Tập đoàn;
- Sử dụng vốn phục vụ SXKD đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Tồn tại

- Năm 2011 các chỉ tiêu kinh tế đã cơ bản hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết nghị, đảm bảo tăng trưởng, tuy nhiên do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, kiềm chế lạm phát, lãi vay tăng cao nên chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch.
- Các nguồn lực sản xuất (*xe máy, thiết bị*) chưa được khai thác triệt để, khả năng thích ứng thị trường và mở rộng sản phẩm hạn chế;
- Công tác quản trị, phân tích hoạt động Doanh nghiệp chưa được chỉ đạo với quyết tâm cao;
- Thiếu kiên quyết trong công tác phân tích kinh tế, công tác kiểm tra nội bộ và quản lý chi phí;
- Chưa có các giải pháp tích cực để giữ và phát triển lao động có tay nghề cao, công tác đào tạo, thi nâng bậc còn hạn chế;
- Các qui chế, qui định chậm hiệu chỉnh, công tác tiết kiệm, phòng chống lãng phí chưa đạt kết quả mong muốn;

Nguyên nhân và trách nhiệm

- Tồn tại trên trước tiên thuộc về từng cá nhân lãnh đạo quản lý và điều hành của Công ty ở từng lĩnh vực, chỉ đạo chưa kiên quyết; kết hợp chưa chặt chẽ, năng lực còn hạn chế;
- Phối hợp và vướng mắc trong quản lý với điều hành chưa được khắc phục triệt để;
- Thiết kế, thiết kế tổ chức thi công chưa kịp thời; những vướng mắc từ cơ chế và cơ quan tư vấn, từ chủ đầu tư ảnh hưởng đến khối lượng thực hiện và hiệu quả kinh doanh;

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2012

- Chỉ đạo thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Chỉ đạo tăng cường hơn nữa các biện pháp quản trị, nhằm tiết giảm chi phí theo kế hoạch của Tập đoàn và quy định số 867 ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Bộ tài chính về việc tiết giảm chi phí sản xuất từ 5-:-10%.
- Hiệu chỉnh, sửa đổi, bổ sung các qui chế quản lý của Công ty;
- Tích cực giám sát việc quản lý, điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ Công ty, thực hiện các biện pháp tiết kiệm, phân tích kinh tế, tăng năng xuất lao động;

- Chỉ đạo việc sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị, các biện pháp giám sát nâng cao chất lượng sửa chữa và mua sắm phụ tùng thiết bị thay thế;
- Kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý, đề ra các biện pháp phấn đấu hoàn nhiệm vụ kế hoạch năm và Quyết nghị của Đại hội đồng thường niên năm 2012;
- Quyết nghị các dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công để phục vụ SXKD của Công ty kịp thời. Các biện pháp sử dụng trạm bê tông RCC tại Lai Châu;
- Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về công tác báo cáo, công bố thông tin của Công ty theo quy định, tiếp tục giữ vững thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Năm 2011 tiếp tục với những khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, cắt giảm lao động, thu nhỏ sản xuất và điều chỉnh giảm kế hoạch đã có lúc đặt ra; nhưng với quyết tâm: giữ vững ổn định, duy trì tăng trưởng và phát triển đơn vị là mục tiêu mà HĐQT kiên định phấn đấu. Thực hiện nhiệm vụ trong quá trình đổi mới và suy giảm kinh tế, không tránh khỏi những hạn chế và vướng mắc; song năm 2011 với sự cố gắng nỗ lực của từng thành viên Hội đồng quản trị, của lãnh đạo điều hành, của người lao động và cổ đông trong Công ty; Chúng ta đã hoàn thành Nghị quyết với các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông quyết nghị; trong khi ảnh hưởng của suy thoái là không tránh khỏi; tiếp tục tạo tiền đề cho việc hoàn thành Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012. Hội đồng quản trị mong nhận được ý kiến đóng góp của của cổ đông; sự đồng thuận và lao động tích cực sáng tạo của người lao động đã gắn bó đồng hành để tiếp tục xây dựng Công ty phát triển bền vững, giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư SD5.

Nơi nhận:

- Đại hội CĐ;
- Tập đoàn SĐà,
- T.V HĐQT;
- LĐ ĐH Công ty;
- Các phòng C/ty, XN trực thuộc;
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Số: *17* /BC-SĐ5-HĐQT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2011.
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011

A. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Thương hiệu, uy tín của đơn vị tiếp tục được chủ đầu tư và các Ban quản lý tin tưởng và đánh giá cao;
- Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây có lãi, cổ tức đảm bảo là nhân tố thuận lợi để thực hiện kế hoạch năm 2011 và tạo tiền đề phát triển đơn vị ở các năm tiếp theo;
- Thiết bị thi công, nhân lực cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất tại công trình trọng điểm;
- Luôn được sự quan tâm giúp đỡ từ Tập đoàn Sông Đà và các Ban điều hành.

2. Khó khăn:

- Chủ đầu tư các dự án Sông Đà 5 tham gia thi công không thu xếp được vốn và giải ngân không kịp thời;
- Chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, giá một số VLXD sắt thép, cát, xăng dầu... khó lường, có thời điểm tăng đột biến dẫn đến không chủ động sản xuất;
- Lãi vay phục vụ đầu tư và SXKD tại các Ngân hàng thương mại rất cao, thủ tục vay vốn phức tạp; Doanh nghiệp thiếu vốn hoạt động sản xuất;
- Kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, lạm phát và giá cả một số loại vật tư chính tăng cao, biến động của tỷ giá Đô la Mỹ so với đồng tiền Việt Nam lớn;

B. Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011

I. Thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2011

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ VNĐ	827,4	973,98	118%
-	Giá trị xây lắp	Tỷ VNĐ	683,42	777,4	114%
-	Giá trị SXCN & PV xây lắp	Tỷ VNĐ	134,01	166,7	124%
-	Giá trị kinh doanh vật tư và công cụ dụng cụ	Tỷ VNĐ	5	22,5	449%
-	Hoạt động tài chính và hoạt động khác	Tỷ VNĐ	5	7,4	149%
2	Doanh thu	Tỷ VNĐ	900	982,291	109,14%
3	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	60	39,6	66%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	57	33	49%
4	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	60	39,7	75%
5	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,7	4,01	60%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	75,0	36,7	49%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,3	8,9	49%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,5	3,25	43%
6	Thu nhập BQ/người/tháng	10 ⁶ đồng	4,8	5,37	113%
7	Khối lượng chủ yếu				
-	Đổ bê tông các loại	m ³	406.621	377.258	93%
-	GCLD cốt thép các loại	Tấn	5.625	3.862	69%
-	GCLD&TD cốt pha các loại	m ²	93.147	127.627	137%
-	SX đá dăm các loại	m ³	285.074	191.579	67%
-	Sản xuất cát nhân tạo	m ³	111.632	78.919	71%
-	Sản xuất và vận chuyển vữa bê tông CVC	m ³	371.502	300.638	81%

(Chi tiết theo phụ lục số 01 kèm theo)

2. Thực hiện đầu tư năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Kế hoạch (10 ⁶ VNĐ)	Thực hiện năm 2011 (10 ⁶ VNĐ)	Tỷ lệ TH
Tổng cộng			122.682	110.084	89,6%
I	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công		84.683	88.384	104,4%
1	Dự án đầu tư 01 trạm trộn bê tông 60m ³ /h	01 máy	3.000	2.320	77,3%
2	Dự án đầu tư 01 máy xúc lật 3m ³	01 chiếc	1.200	998	83,2%
3	Dự án đầu tư 01 máy đào công suất 1,6m ³	01 chiếc	4.000	3.940	98,5%
4	Dự án đầu tư 05 ô tô chuyển trộn vữa bê tông 7m ³	05 chiếc	6.000	8.541	142,3%
5	Dự án đầu tư 08 ô tô tự đổ	08 chiếc	14.400	12.145	84,3%
6	Dự án đầu tư 01 trạm nghiền đá dăm công suất 250m ³ /h	01 trạm	36.000	38.500	106,9%
7	Dự án đầu tư 01 cần trục bánh xích 50 tấn	01 chiếc	12.000	13.430	111,9%
8	Dự án đầu tư 01 máy khoan thủy lực tự hành f42-f115	01 chiếc	8.082,78	8.509	105,3%
II	Đầu tư tài chính + các dự án		38.000	21.700	57%
1	Đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Sông Đà 5 (Dự án thủy điện Sông Chảy 5)	10 ⁶ đồng	38.000	21.700	57%

2. Tồn tại:

- Đầu tư xe máy, thiết bị nâng cao năng lực thi công để đáp ứng nhu cầu tại các công trình mới triển khai chưa kịp thời (*Trạm nghiền sàng cát xay, đá dăm tại thủy điện Lai Châu chậm 9 tháng*).

- Thu xếp vốn cho các dự án đã đầu tư gặp nhiều khó khăn.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2011

Do khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, lãi vay cao, các dự án Công ty tham gia thi công đều thiếu hoặc chậm vốn. Việc thu vốn chậm tại các công trường do chủ đầu tư không đảm bảo kế hoạch giải ngân của từng dự án đã ảnh hưởng

đến hiệu quả sản xuất kinh doanh đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận (đạt 66%), cũng như việc huy động vốn phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất của đơn vị; tuy nhiên, với nhiều cố gắng, Công ty Cổ phần Sông Đà 5 cơ bản đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như:

1. Thủy điện Sơn La:

1.1. Tổng giá trị SXKD: 211,6 tỷ đồng/54,7 tỷ đồng, đạt 387% kế hoạch năm.

1.1. Thực hiện mục tiêu, tiến độ công trình:

a. Công trình chính: Hoàn thành mục tiêu bàn giao tổ máy 2, 3 phục vụ phát điện đúng tiến độ.

b. Công trình phụ trợ, phục vụ xây lắp: Tháo dỡ, bảo quản hệ thống trạm trộn, trạm lạnh và băng tải vận chuyển bê tông RCC để chuyển đến thủy điện Lai Châu theo kế hoạch.

2. Thủy điện Nậm Chiến:

2.1. Tổng giá trị SXKD: 170,6 tỷ đồng /28,3 tỷ đồng, đạt 602% kế hoạch năm.

2.2. Thực hiện mục tiêu, tiến độ công trình:

a. Sản xuất vật liệu: Sản xuất vữa bê tông CVC: 44.101 m³/15.961 m³, đạt 276% kế hoạch năm.

b. Công trình chính: Nhà máy, tuyến năng lượng: Đạt yêu cầu tiến độ của công trình.

3. Thủy điện Hủa Na:

3.1. Tổng giá trị SXKD: 276 tỷ đồng /295,4 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch năm.

3.2. Thực hiện mục tiêu, tiến độ công trình:

a. Sản xuất vật liệu:

- Nghiền cát: 78.919 m³/KH 60.000 m³, đạt 132% kế hoạch năm.

- Nghiền đá các loại: 137.972 m³/KH 62.000 m³, đạt 200% kế hoạch năm.

- Khai thác đá hộc: 362.870 m³/KH 234.151 m³, đạt 155% kế hoạch năm.

b. Công trình chính: Đảm bảo mục tiêu chống lũ năm 2011.

4. Thủy điện Sông Chảy 5:

4.1. Tổng giá trị SXKD: 35,7 tỷ đồng /49,2 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch năm.

4.2. Thực hiện mục tiêu, tiến độ công trình:

- Đổ bê tông các loại: 35.875 m³/KH 25.600 m³, đạt 140% kế hoạch năm.

- Sản xuất đá dăm các loại: 9.506 m³/KH 40.626 m³, đạt 23% kế hoạch năm.

5. Thủy điện Lai Châu:

5.1. Tổng giá trị SXKD: 102,2 tỷ đồng /234,5 tỷ đồng, đạt 44% kế hoạch năm.

5.2. Thực hiện mục tiêu, tiến độ công trình:

- Xây dựng các hạng mục lán trại, phụ trợ đảm bảo yêu cầu tiến độ giao và nhu cầu sử dụng của đơn vị.

- Đảm bảo mục tiêu chống lũ năm 2011 tại công trình.

6. Thủy điện ĐakRinh:

6.1. Tổng giá trị SXKD: 62,8 tỷ đồng /68,3 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm.

- Đổ bê tông các loại: 20.349 m³/KH 18.200 m³, đạt 112% kế hoạch năm.

- Sản xuất đá dăm các loại: 191.805 m³/KH 105.000 m³, đạt 183% KH năm.

- Khai thác đá học: 212.127 m³/KH 123.900 m³, đạt 171% kế hoạch năm.

7. Thủy lợi Suối Chiếu: Tổng giá trị SXKD đạt 24,3 tỷ đồng.

8. Thủy điện Sông Bung 4: Tổng giá trị SXKD đạt 12,4 tỷ đồng.

9. Nhà Quốc Hội: Tổng giá trị SXKD đạt 12 tỷ đồng.

10. Thủy điện Xékaman 3: Tổng giá trị SXKD đạt 18,2 tỷ đồng.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

a. Những mặt làm được:

- Chuyển trụ sở Công ty từ thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La đến tầng 5 tháp B, tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà - Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổ chức sắp xếp, định biên lại các phòng ban nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Bố trí sắp xếp nhân lực quản lý điều hành từ Công ty đến các Xí nghiệp, Chi nhánh và tại các công trường thi công.

b. Tồn tại:

- Sản lượng kinh doanh giảm nhiều so với năm 2010, lực lượng lao động gián tiếp lớn, chưa tinh giảm phù hợp với quy mô sản xuất.

- Sửa đổi bổ sung các quy chế quản lý nội bộ triển khai còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý.

2. Công tác kinh tế – kế hoạch:

2.1. Công tác kinh tế:

a. Những mặt làm được:

* Công tác hợp đồng và quản lý hợp đồng:

- Phân cấp hợp đồng và uỷ quyền thực hiện cho các Xí nghiệp đã tạo tính chủ động và tự chịu trách nhiệm trong công việc, trong quản lý.

* Công tác kinh tế:

- Phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn Sông Đà, các Ban điều hành, Ban quản lý trong việc thẩm tra, trình duyệt định mức, đơn giá, dự toán và tổng dự toán các công trình được chỉ thầu.

- Ban hành đầy đủ định mức, đơn giá và phương thức thanh toán nội bộ.

- Xây dựng, hiệu chỉnh, ban hành quy chế lương khoán và thực hiện việc chi trả lương của người lao động phù hợp.

b. Tồn tại:

- Công tác Quản lý nội bộ còn yếu, việc hiệu chỉnh các quy định nội bộ phù hợp với thực tế thi công tại các công trường chưa kịp thời.

- Chưa phân tích sản xuất kinh doanh một cách hệ thống và bài bản nên chưa rút ra những bài học kinh nghiệm cũng như tham mưu cho công tác quản lý.

2.2. Công tác kế hoạch:

a. Những mặt làm được:

- Giao kế hoạch cụ thể cho các Đơn vị trực thuộc, tiến hành kiểm điểm thường xuyên và tập trung vào các công trình trọng điểm nên cơ bản đã đạt các mục tiêu tiến độ tại các công trình.

b. Tồn tại:

Thiếu việc làm tại một số thời điểm. Việc điều động, cân đối nhân lực xe máy thiết bị đã kịp thời, tuy nhiên cũng gây ra sự xáo trộn về tổ chức thi công và làm giảm hiệu quả kinh doanh.

3. Công tác tài chính, tín dụng:

a. Những mặt làm được:

- Duy trì tốt mối quan hệ để ký kết các hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động với các tổ chức tín dụng, nhằm đáp ứng vốn cho thi công tại các công trình và trả nợ vốn vay trung, dài hạn của các dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công.

- Về cơ bản đã thanh toán kịp thời các khoản tiền lương và chế độ của người lao động.

- Công tác đảm bảo vốn đầu tư vào SXKD: Năm 2011, chủ yếu sử dụng vốn tín dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động, một phần vốn tự có; việc sử dụng vốn hợp lý, đảm bảo dư nợ tín dụng, không có nợ xấu, nợ quá hạn.

- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí: áp dụng các biện pháp tiết kiệm, cải tiến kỹ thuật trong thi công, áp dụng các biện pháp hạ giá thành để đảm bảo lợi nhuận của Công ty.

b. Tồn tại:

- Do vốn điều lệ nhỏ, các quỹ trích lập nhỏ nên khó khăn trong việc thu xếp vốn để đầu tư, cân đối dòng tiền. Thu vốn tại các công trình chậm do thiếu vốn từ Chủ đầu tư nên thiếu nguồn vốn đảo nợ vay, dẫn đến mất cân đối về vốn trong năm.

- Công tác tiết kiệm chưa được đẩy mạnh, chi phí lãi vay và quản lý doanh nghiệp cao nên chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện còn thấp (đạt 66%), giá trị dở dang và công nợ phải thu còn lớn (giá trị dở dang đến 31/12/2011 còn 223,7 tỷ đồng).

4. Công tác tiếp thị đấu thầu:

a. Những mặt làm được:

- Thành lập Phòng dự án trực thuộc Công ty với chức năng nhiệm vụ chuyên trách về công tác tiếp thị, đấu thầu các dự án do Công ty tham gia.

- Trong năm 2011, Công ty đã trúng thầu các dự án: Tổng thầu xây dựng Thủy điện Nậm Nơn, tỉnh Nghệ An (176 tỷ đồng); Bóc phủ, khai thác mỏ đá và Đào hố móng Đập dâng tại thủy điện Sông Bung 4, tỉnh Quảng Nam (171 tỷ đồng).

b. Tồn tại: Bộ phận làm công tác tiếp thị đấu thầu mới thành lập nên còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

5. Các công tác khác:

5.1. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, thiết bị và an toàn lao động:

a. Những mặt làm được:

- Công tác an toàn lao động:
 - +. Duy trì mạng lưới an toàn viên từ Công ty đến các Xí nghiệp, tổ đội sản xuất, thường xuyên kiểm tra đôn đốc an toàn, trong năm không xảy ra trường hợp tai nạn nào đáng tiếc.
 - +. Huấn luyện an toàn lao động, quan tâm và cấp đầy đủ trang thiết bị an toàn cho người lao động.
- Công tác kỹ thuật:
 - +. Hồ sơ: Được chú trọng, đã lập và lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ nghiệm thu thanh toán và bàn giao các công trình.
 - +. Chất lượng: Tuân thủ quy trình kiểm tra giám sát chất lượng nhằm tạo ra sản phẩm với chất lượng tốt nhất.
- Phối hợp cùng tư vấn và chủ đầu tư giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công.
- Quản lý công nghệ, thiết bị: Bố trí hợp lý xe máy, thiết bị tại các công trường; cân đối điều chuyển xe máy, thiết bị kịp thời linh hoạt đảm bảo yêu cầu sản xuất, phát huy năng lực thiết bị.

b. Tồn tại:

- Công tác an toàn lao động: Ý thức chấp hành kỷ luật an toàn lao động của người lao động chưa cao, đặc biệt những công nhân mới tuyển dụng; Bên cạnh đó công tác kiểm tra đôn đốc, cảnh báo và xử lý các vi phạm quy định về an toàn chưa quyết liệt, mạng lưới an toàn viên chưa làm hết trách nhiệm vụ theo quy định.
- Công tác kỹ thuật: Lực lượng cán bộ kỹ thuật phần nhiều là kỹ sư trẻ còn yếu về trình độ và thiếu kinh nghiệm; Cần có biện pháp kiểm soát nâng cao hơn nữa chất lượng thi công. Hiện tượng làm ẩu còn tồn tại ảnh hưởng đến công tác bàn giao, thu hồi vốn và thương hiệu công ty;
- Biện pháp kỹ thuật thi công, công tác hiện trường chưa được quan tâm đúng mức nên năng suất lao động thấp, lãng phí vật tư, hệ số sử dụng xe máy chưa cao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh;
- Công tác công nghệ, vật tư - thiết bị: Việc sử dụng vật tư chưa được tiết kiệm triệt để, hàng tồn kho lớn; Công tác kiểm tra vận hành, bảo dưỡng định kỳ đối với xe máy, thiết bị thực hiện còn kém. Chất lượng phụ tùng sửa chữa thay thế chưa được kiểm soát chặt chẽ; Việc quyết toán vật tư, phụ tùng, sửa chữa hàng tháng chưa kịp thời và chưa dứt điểm.

5.2. Công tác đào tạo, tuyển dụng:

a. Những mặt làm được:

- Bố trí, sắp xếp lực lượng lao động tại các công trình đáp ứng được nhiệm vụ

được giao.

- Tuyển dụng: Đáp ứng được yêu cầu, tuy nhiên chất lượng lao động còn thấp.
- Đã tiến hành rà soát, kiểm tra tay nghề, phân loại, đánh giá lại thực trạng để sắp xếp lao động cho phù hợp với công việc hoặc tổ chức đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu lao động cho các công trình.

b. *Tồn tại:*

- Lực lượng gián tiếp còn lớn, chất lượng nguồn nhân lực thấp, đại đa số lực lượng lao động còn trẻ, kinh nghiệm và tay nghề còn hạn chế;
- Việc thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn cao còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt tại các công trình xa, miền núi;
- Cân đối, dự báo nhân lực chưa sát thực tế, dẫn đến việc điều động công nhân di chuyển giữa các công trường xảy ra nhiều.

Phần 2

NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012 VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI

1. *Thuận lợi:*

Quy mô, năng lực, chất lượng sản phẩm và uy tín về thời gian bàn giao của Công ty qua những công trình là thương hiệu vượt trội, được Chủ đầu tư đánh giá cao, là lợi thế để cạnh tranh, tìm kiếm việc làm trong bối cảnh thị trường khó khăn và đã được giao thi công tại công trình chỉ định thầu trọng điểm như thủy điện Lai Châu, xây dựng Nhà Quốc Hội (mới).

Quy mô về nhân lực, thiết bị, tiền vốn đáp ứng được kế hoạch SXKD năm 2012.

2. *Khó khăn:*

- Kế hoạch sản lượng lớn (*810 tỷ đồng*), trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Chủ đầu tư một số dự án Đơn vị thi công không thu xếp được vốn để thanh toán cho các nhà thầu, lãi suất vốn vay cao, tỷ giá biến động lớn...;
- Công việc tại công trình thủy điện Sơn La, Nậm Chiến, Hủa Na cơ bản đã hoàn thành trong năm 2011. Tìm kiếm công việc để duy trì kế hoạch sản lượng và lợi nhuận là thách thức lớn.

II. CÁC CHỈ TIÊU VÀ KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2012

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	810.197	
-	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	580.196	

-	Giá trị SXCN PV xây lắp	10 ⁶ đ	210.001	
-	Giá trị kinh doanh vật tư và công cụ dụng cụ	10 ⁶ đ	15.000	
-	Hoạt động tài chính và hoạt động khác	10 ⁶ đ	5.000	
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	690.200	
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ		
-	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	40.000	
-	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	30.000	
4	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	58.400	
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	10 ⁶ đ	5,8	
6	Lãi cố tức dự kiến	%	15%	
7	Giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	392.073	
8	Khối lượng chủ yếu			
-	Đổ bê tông các loại	m ³	149.889	
-	GCLD cốt thép các loại	Tấn	3.235	
-	GCLD&TD cốt pha các loại	m ²	23.702	
-	SX đá dăm các loại	m ³	397.244	
-	Sản xuất cát nhân tạo	m ³	83.000	
-	Sản xuất và vận chuyển vữa bê tông CVC	m ³	89.218	

(Chi tiết theo phụ lục số 01, 02 kèm theo)

III. MỤC TIÊU TẠI CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Thủy điện Hòa Na:

Hoàn thành nghiệm thu và bàn giao các hạng mục công trình: Đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước và Nhà máy cho Chủ đầu tư.

2. Thủy điện Lai Châu:

- Đảm bảo mục tiêu ngăn sông tháng 4/2012 và chống lũ năm 2012 thắng lợi.
- Xây dựng lán trại, phụ trợ đảm bảo yêu cầu của công trường giao.
- Đưa hệ thống trạm trộn, băng tải vận chuyển bê tông RCC 720 m³/h vào sử dụng phục vụ thi công bê tông RCC theo đúng kế hoạch.
- Sản xuất đá dăm, cát xây đáp ứng yêu cầu thi công.

3. Công trình Sông Bung 4:

- Khoan nổ khai thác đá, vận chuyển đá học theo yêu cầu.
- Khoan nổ đào hố móng vai trái đập dâng đáp ứng yêu cầu tiến độ.

4. Thủy điện Đakrinh:

- Khoan nổ khai thác mỏ đá, vận chuyển đá học và nghiền sàng phục vụ thi công bê tông RCC tại công trình.
- Thi công bê tông nhà máy theo tiến độ của công trình.

5. Công trình Nhà Quốc Hội: Đảm bảo hoàn thành gói thầu XL-02 đúng yêu cầu tiến độ.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH THỰC HIỆN

1. Công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp:

- Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và điều hành phù hợp với nhiệm vụ tại các công trường.
- Sửa đổi các phân cấp, các quy định quản lý nội bộ cho phù hợp.

2. Công tác tiếp thị, đấu thầu:

- Kết hợp cùng Tập đoàn Sông Đà xúc tiến và tham ra đấu thầu dự án đường sắt trên cao tại thành phố Hà Nội. Đấu thầu dự án thủy điện Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Hoàn thành các hợp đồng xây lắp đã ký tại các công trình thủy điện Hủa Na, Đakrinh, Sông Bung 4 và đặc biệt tại công trình thủy điện Lai Châu.

3. Giải pháp tài chính - tín dụng:

- Công tác vốn cho SXKD và đầu tư: Tiếp tục quan hệ với các tổ chức tín dụng chuyên thống và tìm kiếm thêm các Ngân hàng thương mại mới có chính sách lãi suất cho vay thấp hơn để thu xếp vốn cho đầu tư và SXKD:

+ Rà soát, xem xét giảm dần giá trị vay vốn lưu động để chủ động cân đối các nguồn vốn vay.

+ Làm việc với Sở giao dịch 1 để thu xếp vốn cho tái đầu tư nâng cấp dây truyền RCC tại dự án thủy điện Lai Châu. Cân đối vốn đối ứng từ nguồn vốn tự có và từ nguồn vốn ứng được của Chủ đầu tư.

+ Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư năm 2012, Công ty duy trì quan hệ và ký tiếp các hợp đồng hạn mức vay ngắn hạn, vay trung và dài hạn với các tổ chức tín dụng như: ngân hàng Đầu tư và phát triển Sơn La, Tuyên Quang, ngân hàng Công thương Sông Nhuệ...;

- Nghiệm thu, thanh toán, dở dang công nợ: Tăng cường thu vốn tuần, tháng, quý, giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, cá nhân. Định kỳ tuần, tháng, quý kiểm điểm công tác nghiệm thu, thanh toán và giải quyết các vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán các công trình do đơn vị đã hoàn thành.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 với công ty kiểm toán độc lập đã được UBCKNN chấp thuận cho kiểm toán báo cáo tài chính các công ty niêm yết.

4. Giải pháp kinh tế :

4.1. Quản lý đầu tư:

- Tập trung, tham gia công tác lập, trình duyệt định mức, đơn giá Tổng dự toán các công trình.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn, theo dõi việc giải ngân của chủ đầu tư các dự án để có kế hoạch cụ thể.

4.2. Đối với nội bộ:

- Sửa đổi các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý doanh nghiệp trong tình hình mới.

- Hiệu chỉnh phương thức giao khoán và thanh quyết toán cho các Đội sản xuất, cho bộ máy quản lý tại đơn vị trực thuộc và khối cơ quan Công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tiết kiệm các chi phí theo kế hoạch.

- Giao kế hoạch giá thành và khoán chi phí quản lý doanh nghiệp cho các đơn vị trực thuộc.

5. Giải pháp về Cơ giới - Vật tư:

- Cân đối xe máy thiết bị tại các công trình để điều chuyển hoặc đầu tư mới xe máy, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Chủ động trong việc tìm kiếm đối tác để cung ứng vật tư phụ tùng theo kế hoạch có cạnh tranh về giá cả và chất lượng, hạn chế vật tư tồn kho.

6. Giải pháp về Kỹ thuật - Chất lượng - An toàn lao động:

- Nâng cao và kiểm soát chất lượng, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy phạm. Tăng cường việc nghiệm thu cơ sở; giải quyết các vướng mắc trong công tác thiết kế, mặt bằng, biện pháp tổ chức thi công và nghiệm thu ngoài hiện trường;

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa thi công nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí;

- Thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra an toàn và bảo hộ lao động, giảm tối đa nguy cơ tai nạn lao động. Kiên quyết xử lý kỷ luật những trường hợp vi phạm quy định về an toàn lao động.

7. Giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực:

- Đảm bảo đủ việc làm nâng cao thu nhập cho số lao động hiện có của công ty. Có chế độ đãi ngộ với những lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và những công nhân lành nghề gắn bó lâu dài với đơn vị.

- Phối hợp với Tập đoàn Sông Đà cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham gia học tập, lao động và hợp tác với đối tác dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

- Ưu tiên phát triển nguồn cán bộ sẵn có tại đơn vị, người được bổ nhiệm phải đảm bảo có trình độ năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm cao trong công việc, mặt khác phải là người có tư tưởng gắn bó lâu dài với đơn vị.

- Bổ sung thêm cán bộ có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp cho

phòng thị trường nhằm đáp ứng tốt công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cho đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2011; kế hoạch và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2012, Công ty cổ phần Sông Đà 5 trình Tập đoàn Sông Đà xem xét thông qua để đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Nơi nhận:

- Tập đoàn Sông Đà (b/c);
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu HĐQT, TCHC.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Vũ Khắc Tiệp

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Năm 2011			Kế hoạch năm 2012	GHI CHÚ
			KH	TH	%TH		
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	827,4	974,0	118%	810,2	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	683,4	777,4	114%	580,2	
-	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁶ đ				465,2	
-	Chưa có Hợp đồng XL	10 ⁶ đ				115,0	
2	Giá trị phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	134,0	166,7	124%	210,0	
-	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁶ đ				158,0	
-	Chưa có Hợp đồng XL	10 ⁶ đ				52,0	
3	Kinh doanh vật tư và CCDC	10 ⁶ đ	5,0	22,5	449%	15,0	
4	Hoạt động tài chính và hoạt động khác	10 ⁶ đ	5,0	7,4	149%	5,0	
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH						
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	900	989,0	110%	690,2	
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	53,1	39,7	75%	58,4	
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	60,0	39,6	66%	40,0	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	67,5	33,0	49%	30,0	
5	Tỷ suất lợi nhuận	%					
5.1	Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	6,7%	4,01%	60%	5,8%	
5.2	Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	75,0%	36,7%	49%	33,3%	
5.3	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	18,3%	8,9%	49%	7,7%	
5.4	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	7,5%	3,25%	43%	2,9%	
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	369,4	371,1	100%	387,1	
7	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	90,0	90,0	100%	90,0	
-	Trong đó: Vốn Nhà nước	10 ⁶ đ	47,6	47,6	100%	47,6	
8	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	900,0	1.017,7	113%	1.050,0	
9	Lãi cổ tức dự kiến	10 ⁶ đ	20%	15%	75%	15%	
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG						
1	Tổng số CBCNV	Người	1.778	1.555	87%	1.755	
-	Trong đó: LĐ trực tiếp	Người	1.412	1.198	85%	1.098	
2	Thu nhập bình quân hàng tháng (lương+BHXH+KT,PL)	10 ³ đ	4.800	5.370	112%	5.800	
IV	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU						
1	Khối lượng xây lắp						
-	Công tác bê tông các loại	10 ³ m ³	406,6	377,3	93%	149,9	
-	Công tác cốt thép các loại	Tấn	5.625	3.862	69%	3.235	
-	GCLĐ và tháo dỡ cốp pha các loại	10 ³ m ²	93,1	128	137%	23,7	
2	Khối lượng SXCN phục vụ XL						
-	Khai thác đá học	10 ³ m ³	402,7	591,5	147%	874,1	
-	Bóc phủ mỏ đá	10 ³ m ³	93,8	172,9	184%	101,4	
-	Sản xuất & vận chuyển vữa BT CVC	10 ³ m ³	371,9	300,6	81%	89,2	
-	Sản xuất vữa BT RCC	10 ³ m ³				222,6	
-	Sản xuất đá dăm các loại	10 ³ m ³	285,1	191,6	67%	397,2	
-	SX cát nhân tạo	10 ³ m ³	111,6	78,9	71%	83,0	
B	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	10 ⁶ đ	122,7	110,1	90%	392,1	
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁶ đ	84,7	88,4	104%	380,8	
2	Đầu tư tài chính	10 ⁶ đ	38,0	21,7	57%	11,3	

Phòng Kinh tế - Kế hoạch



Nguyễn Đắc Điệp



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Mạnh Toàn

CHI TIẾT CÔNG TRÌNH VÀ CÔNG VIỆC

TT	Tên công trình và công việc	Đơn vị	Năm 2011			Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
			KH	TH	%TH		
	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	827.427	973.985	117,71%	810.197	
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 5	10 ⁶ đ	827.427	973.985	117,71%	810.197	
I	GIÁ TRỊ XÂY LẮP	10 ⁶ đ	683.413	777.379	113,75%	580.196	
1	THỦY ĐIỆN TUYẾN QUANG	10 ⁶ đ		14.003			
2	THỦY ĐIỆN SƠN LA	10 ⁶ đ	48.439	89.698	185%	15.000	
2.1	Công trình chính và công trình tạm	10 ⁶ đ	48.439	89.698	185%		
2.1.1	Công trình chính	10 ⁶ đ	48.439	88.528	183%		
a	Cửa lấy nước	10 ⁶ đ	48.439	71.639	148%		
*	<i>Bê tông</i>	m ³	32.964	29.182	89%		
*	<i>Cốt thép các loại</i>	Tấn	94	125	134%		
-	Bê tông các khối thượng lưu CĐ163--CĐ180,50	m ³	10.304	7.381	72%		
-	Bê tông vùng Tam giác hạ lưu CLN	m ³	1.430	1.030	72%		
-	Bê tông CNN CĐ 180,50 -- CĐ 195,30	m ³	15.967	15.868	99%		
-	Bê tông CNN CĐ 195,30 -- CĐ 210,30	m ³	2.643	2.136	81%		
-	Bê tông CNN CĐ 210,30 -- CĐ 228,0	m ³	2.621	2.767	106%		
-	Gia công LD cốt thép	tấn	94	125	134%		
-	GCLD, tháo dỡ cốp pha	m ²	9.889	8.476	86%		
b	Nhà máy Thủy điện	10 ⁶ đ		7.503			
*	<i>Bê tông</i>	m ³		2.790			
*	<i>Cốt thép các loại</i>	Tấn		128			
	Bê tông tum cầu thang số 13, gian biến thế tổ máy 1, cao độ 138,0	m ³		5			
	Ray máy biến áp bổ sung cao độ 138,00	m ³		135			
	Bê tông nhà PCCC	m ³		22			
	Bê tông nhà tiền sảnh CĐ138,00--150,30m	m ³		16			
	Bê tông kênh xả nhà máy đợt 2	m ³		2.251			
	Bê tông hoàn thiện	m ³		130			
	Xưởng sửa chữa biến thế	m ³		225			
	Bê tông giếng máy phát	m ³		6			
	Thép	tấn		128			
	GCLD, tháo dỡ cốp pha	m ²		2.832			
c	Đập tràn			8.976			
-	Bê tông			4.655			
-	Gia công LD cốt thép	tấn		107			
d	Bê tông nút cống dẫn dòng	10 ⁶ đ		410			
2.1.2	Phụ trợ, Công trình phục vụ thi công, chi phí đưa đón công nhân	10 ⁶ đ		1.170			
2.1.3	Tháo dỡ, bảo dưỡng hệ thống trạm bê tông RCC tại Sơn La	tấn				15.000	
3	THỦY ĐIỆN BẢN VỄ	10 ⁶ đ		8.173			
-	Trồng cây các loại	cây		618			
-	Đổ bê tông các loại	m ³		638			
-	Gia công lắp dựng cốt thép các loại	tấn		4			
4	THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN	10 ⁶ đ	26.484	172.831	653%		
4.1	Công trình chính	10 ⁶ đ	26.484	160.295	605%		
-	Đổ bê tông các loại	m ³	15.572	30.480	196%		
-	Gia công lắp dựng cốt thép các loại	tấn	347	127	37%		
-	Gia công LD cốp pha	m ²	4.671	12.705	272%		
4.2	Công trình tạm	10 ⁶ đ		9.371			

TT	Tên công trình và công việc	Đơn vị	Năm 2011			Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
			KH	TH	%TH		
4.3	Di chuyển lượng thi công	10 ⁶ đ		3.165			
5	THỦY ĐIỆN HỦA NA	10 ⁶ đ	267.084	255.151	96%	37.999	
5.1	Lán trại phụ trợ	10 ⁶ đ		7.639			
5.2	Đập dâng, đập tràn	10 ⁶ đ	188.097	240.694	128%	30.666	
-	Đổ bê tông	m ³	151.556	176.178	116%	10.300	
-	Gia công lắp dựng cốt thép các loại	tấn	675	753	112%	309	
-	Gia công LĐ cốp pha	m ²	15.500	71.908	464%		
5.3	Cửa lấy nước + tháp điều áp	10 ⁶ đ	22.277	6.818	31%	7.333	
-	Bê tông các loại	m ³	13.753	3.581	26%	3.000	
-	Gia công lắp dựng cốt thép các loại	tấn	350	168	48%	90	
-	Gia công LĐ cốp pha	m ²	4.126	1.684	41%		
6	THỦY ĐIỆN LAI CHÂU	10 ⁶ đ	188.127	94.626	50%	210.874	
6.1	Lán trại + phụ trợ + XDCB	10 ⁶ đ	188.127	94.626	50%	170.874	
-	San nền bằng máy ủi 180 CV đất cấp III	m ³	350.000				
-	Xây dựng nhà ở và nhà làm việc	gian	100	108	108%	60	
-	Đổ bê tông móng silô (M250)	m ³		3.810			
-	Bê tông móng trạm nghiền, trạm trộn, trạm cân	m ³		1.482			
-	Đục cạy dọn vệ sinh	m ²		2.780			
-	Bể nước sinh hoạt 500m ³ , nhà bao che	m ³		318			
-	Bể tuần hoàn làm mát cốt liệu	m ³		109			
-	Bê tông móng trạm trộn, băng tải RCC	m ³				10.000	
-	Bê tông kênh cống dẫn dòng	m ³	115.000	33.033	29%	46.131	
-	Cốt thép	tấn	2.875	1.693	59%	2.526	
-	Gia công LĐ cốp pha	m ²	34.500	17.292	50%	22.452	
6.2	Vận chuyển hệ thống trạm từ Sơn La đến Lai Châu + Gia công bổ sung, lắp đặt hệ thống băng tải, Silo trạm trồng bê tông RCC	10 ⁶ đ				40.000	
7	ĐƯỜNG TÂY NGHỆ AN, ĐÀK NÔNG	10 ⁶ đ		(4.838)			
8	THỦY ĐIỆN SÔNG CHÁY 5	10 ⁶ đ	42.100	34.415	82%		
-	Đào đắp các hạng mục	m ³	68.200	9.508	14%		
-	Xúc vận chuyển	m ³	68.200	63.130	93%		
-	San ủi đất, đá bãi thải	m ³	20.460	60.898	298%		
-	Đào, xúc quang tải	m ³		36.739			
-	Bê tông CVC	m ³	25.600	35.875	140%		
-	GCLD cốt thép	tấn	419	510	122%		
9	THỦY ĐIỆN ĐAKRINH	10 ⁶ đ	51.180	46.644	91%	19.840	
*	Trạm nghiền	10 ⁶ đ	17.337	29.709	171%	2.470	
-	Đào xúc đất, vận chuyển đổ thải	m ³		77			
-	Cạy dọn vệ sinh nền đá	m ³		3.329			
-	Bê tông móng trạm nghiền	m ³		198			
-	Bê tông các loại	m ³	18.200	14.351	79%		
*	Bê tông Đập dâng vai trái	m ³		3.500		7.500	
-	GCLD cốt thép	tấn	25	67	269%	25	
-	Gia công LĐ cốp pha	m ²	5.460	5.034	92%	1.250	
*	Xây dựng lán trại	10 ⁶ đ		2.297			
*	Mỏ đá số 5	10 ⁶ đ	33.843	12.110	36%		
-	Xúc quang tải đất, đá bằng máy xúc 1,6m ³	m ³	46.200	50.300	109%		
-	Xúc đất cấp, vận chuyển	m ³		111.365			
-	San ủi đất, đá bãi thải	m ³	161.000	253.127	157%		
-	Xúc đá, vận chuyển đổ thải	m ³		124.811			
-	Khoan nổ mìn bóc phủ đá	m ³	93.800	124.811	133%		

TT	Tên công trình và công việc	Đơn vị	Năm 2011			Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
			KH	TH	%TH		
*	Khu vực nhà máy	10 ⁶ đ		2.528		17.371	
-	Sản xuất rọ đá và xếp đá	cái		233			
-	Đổ bê tông các loại	m ³		2.300		14.700	
-	GCLD cốt thép	tấn		10		235	
10	CÔNG TRÌNH KHÁC	10 ⁶ đ	60.000	66.677	111%	296.482	
a	Thuỷ lợi Suối Chiếu(tỉnh Sơn La)	10 ⁶ đ		22.363		3.210	
-	Bê tông các loại	m ³		34.559		5.412	
-	Gia công lắp dựng cốt thép các loại	tấn		168		51	
-	Gia công LĐ cốp pha	m ²		7.738			
b	Thuỷ điện sông bung 4	10 ⁶ đ		12.523		88.272	
-	Xây dựng lán trại	gian				20	
-	Bóc phủ mỏ đá						
-	Bóc tầng phủ bằng máy xúc 2,3 m3; vận chuyển bằng ôtô 22T, cự ly 1,5 km	m3				70.000	
-	San ủi bãi thải làm mặt bằng trạm nghiền	m3					
-	Bóc tầng phủ bằng máy xúc 2,3 m3; vận chuyển bằng ôtô 22T, cự ly 2,5 km	m3				31.440	
-	Phá đá nổ mìn bóc phủ bằng máy khoan fi 76 bóc xúc bằng máy đào 2,3m3 và vận chuyển đổ thải cự ly 1,5km	m3				30.000	
-	Khai thác đá học bằng khoan nổ mìn Φ 105mm, bóc xúc bằng máy xúc 2,3m3, vận chuyển bằng ô tô tự đổ 22T, cự ly 8km	m3				400.000	
-	Đào hố móng vai trái đập	m3				300.000	
c	Dự án Nhà Quốc Hội(Gói XL01, XL02)	10 ⁶ đ		12.034		80.000	
d	Thuỷ điện Xekaman 3	10 ⁶ đ		18.164		10.000	
e	Công trình thuỷ điện Nậm Non và công trình khác	10 ⁶ đ		1.592		115.000	Chưa có Hợp đồng XL
II	GIÁ TRỊ PHỤC VỤ XÂY LẮP	10 ⁶ đ	134.013	166.693	124%	210.001	
1	Thuỷ điện Sơn La	10 ⁶ đ	6.251	121.858	1949%	-	
-	Sản xuất vữa và vận chuyển bê tông CVC, RCC	m ³	33.788	37.177	110%		
2	Thuỷ điện Nậm Chiến	10 ⁶ đ	1.836	(2.270)	-124%		
-	Sản xuất vữa và vận chuyển bê tông CVC	m ³	15.961	44.101	276%		
1.3	Thuỷ điện Bản vẽ	10 ⁶ đ		1.169			
3	Thuỷ điện Hủa Na	10 ⁶ đ	28.320	20.842	74%	18.788	
-	Bóc phủ mỏ đá bằng khoan nổ mìn	m ³		44.600			
-	Khai thác đá học	m ³	234.151	362.870	155%	180.000	
-	Sản xuất đá dăm CVC	m ³	62.000	137.972	223%	15.000	
-	Nghiên cát xây	m ³	60.000	78.919	132%	5.000	
-	Sản xuất & vận chuyển vữa bê tông CVC	m ³	204.267	184.253	90%	13.633	
4	Thuỷ điện Sông chảy 5	10 ⁶ đ	7.111	1.337	19%		
-	Khoan nổ mìn bóc phủ	m ³		3.450			
-	Khai thác đá học bằng khoan nổ mìn	m ³	44.688	16.552	37%		
-	Nghiên đá dăm	m ³	40.626	9.506	23%		
-	Xúc vận chuyển đá học về trạm nghiền	m ³		19.520			
5	Thuỷ điện Lai Châu	10 ⁶ đ	46.404	7.556	16%	92.770	
-	Sản xuất đá dăm	m ³	77.448	45.000	58%	156.000	
-	Nghiên cát xây	m ³	51.632	5.000	10%	78.000	
-	Sản xuất bê tông RCC	m ³	117.875	27.462	23%	222.560	
-	Sản xuất bê tông RCC (Thí nghiệm)	m ³				1.754	
-	Sản xuất bê tông CVC	m ³				57.534	
6	Thuỷ điện Đakrinh	10 ⁶ đ	17.091	16.200	95%	46.444	
-	Sản xuất đá dăm	m ³	105.000	191.805	183%	226.244	
-	Khai thác đá học	m ³	123.900	212.127	171%	294.118	

TT	Tên công trình và công việc	Đơn vị	Năm 2011			Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
			KH	TH	%TH		
-	Xúc vận chuyển đá sau nổ mìn	m ³		151.977		294.118	
-	Sản xuất bê tông CVC	m ³		7.646		20.068	
7	Các công trình khác	10 ⁶ đ	27.000			52.000	Chưa có Hợp đồng XL
-	Mỏ đá khe Lau(Quảng Bình)	10 ⁶ đ				47.000	
-	Thủy điện Nậm Non (tỉnh Nghệ An)	10 ⁶ đ				5.000	
III	KINH DOANH VẬT TƯ VÀ CCDC	10 ⁶ đ	5.000	22.469	449%	15.000	
IV	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	10 ⁶ đ	5.000	7.444	149%	5.000	

Lập biểu

T.P Kinh tế - Kế hoạch



Đào Thị Mơ



Nguyễn Đắc Điệp

Phụ lục số: 02 kèm theo báo cáo số /BC-SD5 - NDPV ngày 09 tháng 09 năm 2012 của người đại diện phần vốn của Tập đoàn Sông Đà tại Công ty cổ phần Sông Đà 5

BÁO CÁO THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2012

ĐVT: 10⁶ đồng

TT	Nội dung	Thông số KT	Quy mô công suất	Năm 2011			Kế hoạch đầu tư năm 2012			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện	% HTKKH	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	D	E	1	2	3	4	5	6=4x5	
	Tổng số			122.683	110.084	89,7%			392.073	
I	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công			84.683	88.384	104,4%			380.800	
I.1	Năm 2011			84.683	88.384	104,4%			-	
1	Trạm trộn bê tông	60 m3/h	01 trạm	3.000	2.320	77,3%				
2	Máy xúc lật	3m3	01 chiếc	1.200	998	83,2%				
3	Máy xúc đào	1,6 m3	01 chiếc	4.000	3.940	98,5%				
4	Ô tô chuyên trộn vữa bê tông	7 m3	05 chiếc	6.000	8.541	142,3%				
5	Ô tô tự đổ	15 tấn	08 chiếc	14.400	12.145	84,3%				
6	Trạm nghiền đá dăm	250 m3/h	01 trạm	36.000	38.500	106,9%				
7	Cần trục bánh xích	50 tấn	01 chiếc	12.000	13.430	111,9%				
8	Dự án đầu tư 01 máy khoan thủy lực tự hành f42-f115	f42-f115	01 chiếc	8.083	8.509	105,3%				
I.2	Năm 2012								380.800	
1	Máy xúc đào	1,6 m3	Chiếc				2	5.400,0	10.800	
2	Cần trục bánh lốp	50 tấn	chiếc				1	17.500,0	17.500	
3	Máy bơm bê tông tĩnh	90 m3/h	Chiếc				1	2.500,0	2.500	
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm trộn, trạm lạnh và băng tải RCC thủy điện Lai Châu	720 m3/h	hệ thống						350.000	
II	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác			38.000	21.700	57%			11.273	
I	Góp vốn vào Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Sông Đà 5			38.000	21700	57%			11.273	

Ghi chú: Giá trị kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm trộn RCC 720m3/h thủy điện Lai Châu là tạm tính sẽ được chỉnh xác trong quá trình lập dự án.

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2011										Năm 2012		
			Kế hoạch			Thực hiện			% hoàn thành KH	Kế hoạch					
			Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con	Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con		Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con			
I	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 ⁹ đ	1.337,9	827,4	51,5	459,0	973,9	50,2	524,9	116%	1.261,2	810,2	50,0	401,0	
II	Doanh số bán hàng (1+2)	10 ⁹ đ	1.434,6	990,0	0,0	444,1	1.026,4	0,0	658,4	117%	1.273,6	759,2	49,5	464,9	
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.302,5	900,0	0,0	402,0	988,9	0,0	613,6	123%	1.137,8	690,2	45,0	402,6	
-	Xây lắp	10 ⁹ đ	882,5	496,4		386,1	759,8		586,6	153%	934,4	493,2	45,0	396,2	
-	Sản xuất công nghiệp	10 ⁹ đ	419,4	403,6		15,8	199,2		178,5	48%	178,5	178,5		0,0	
-	Giá trị tư vấn xây dựng	10 ⁹ đ									5,6			5,6	
-	Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng	10 ⁹ đ									0,0			0,0	
-	Giá trị kinh doanh vật tư, vận tải	10 ⁹ đ					22,6		26,1		13,5	13,5			
-	Doanh thu tài chính	10 ⁹ đ	0,5			0,5	4,1		0,220	864%	0,3			0,3	
-	Thu nhập khác	10 ⁹ đ	0,2			0,2	3,2		0,7	2569%	5,5	5,0		0,5	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	132,1	90,0		42,1	98,9		61,4	121%	113,8	69,0	4,5	40,3	
III	Thu tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	1.145,2	720,0		425,2	872,4		559,6	125%	1.129,1	645,3	42,1	441,7	
IV	Lợi nhuận														
a	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	78,8	60,0		18,8	39,6	0,0	25,9	83%	57,7	40,0		17,7	
-	Xây lắp	10 ⁹ đ	76,5	54,6		21,9	46,8		36,0	108%	70,2	46,9		23,3	
-	Sản xuất công nghiệp	10 ⁹ đ	36,2	35,4		0,8	26,1			72%	30,7	30,4		0,3	
-	Giá trị tư vấn xây dựng	10 ⁹ đ									0,0				
-	Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng	10 ⁹ đ									0,0				

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2011												Năm 2012			
			Kế hoạch						Thực hiện						% hoàn thành KH			
			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	
			Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết								
-	Giá trị kinh doanh vật tư, vận tải	10 ⁹ đ				4,0	4,0							2,7	2,7			
-	Hoạt động tài chính	10 ⁹ đ	-34,0	-30,0		-4,0	-39,3							-40,0	-40,0			-6,0
-	Thu nhập khác	10 ⁹ đ	0,1			0,1	2,0							0,1				0,1
b	Lợi nhuận sau thuế	10⁹đ	74,9	57,0		17,9	33,0							30,0	30,0			16,6
2	Tỷ suất lợi nhuận	%				0,0								0,0				
-	Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	6,1%	6,7%		4,7%	4,0%							5,8%	5,8%			4,4%
-	Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	34,8%	63,3%		71,7%	36,7%							33,3%	33,3%			66,4%
-	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	12,9%	15,6%		15,3%	8,9%							7,7%	7,7%			14,2%
-	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	5,3%	6,3%		7,2%	3,2%							2,9%	2,9%			4,7%
3	Tỷ lệ lãi cô tức dự kiến	%	20%	20%		20%	18%							15%	15%			20%
V	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,9	1,9		1,6	1,6							1,85	1,85			1,6
VI	Các khoản nợ Nhà nước	10⁹đ				0,0								0,0	0,0			
I	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	86,0	60,6	0,6	24,9	59,6	4,1						58,4	58,4	6,8		27,0
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10⁹đ	73,7	53,1	0,2	20,4	49,2	3,3						47,4	47,4	5,9		22,3
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	67,5	48,6		18,9	39,1	2,5						34,5	34,5	5,0		21,3
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	4,6	3,5		1,1	6,6							10,0	10,0	0,0		1,0
-	Thuế xuất nhập khẩu	10 ⁹ đ				0,4	0,9	0,4						0,3	0,3			0,3
-	Thuế đất, thuế đất	10 ⁹ đ				0,0	0,0							0,0	0,0			0,0
-	Thuế tài nguyên	10 ⁹ đ				1,0	0,9	0,06						0,9	0,9	0,1		0,0
-	Thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài	10 ⁹ đ				0,1	0,1	0,1						0,4	0,4	0,4		0,0
-	Thuế môn bài	10 ⁹ đ				0,0	0,0							0,0	0,0			0,0
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	1,6	1,0	0,2	0,4	2,6	0,3						2,1	2,0	0,1		0,0
b	Các khoản phải nộp khác	10⁹đ	12,3	7,5	0,4	4,5	10,4	0,8						11,0	11,0	0,9		4,7

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2011										Năm 2012		
			Kế hoạch					Thực hiện					% hoàn thành KH		
			Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Tổng số	Công ty mẹ
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	12,3	7,5	0,4	4,5	15,8	10,4	0,8	4,6	128%	16,6	11,0	0,9	4,7
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	85,4	59,9	0,6	24,9	95,7	50,1	3,8	41,7	112%	87,3	58,2	6,8	22,3
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	73,7	53,1	0,2	20,4	80,0	39,7	3,0	37,2	109%	75,6	47,4	5,9	22,3
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	67,5	48,6		18,9	67,6	28,9	2,5	36,2	100%	60,8	34,5	5,0	21,3
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	4,6	3,5		1,1	8,3	7,9		0,4	180%	11,0	10,0		1,0
-	Thuế xuất nhập khẩu	10 ⁹ đ					0,4		0,4			0,3		0,3	
-	Thuế đất, thuế đất	10 ⁹ đ					0,0					0,0			
-	Thuế tài nguyên	10 ⁹ đ					1,3	1,2	0,1			1,0	0,9	0,1	
-	Thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài	10 ⁹ đ					0,1	0,1	0,1			0,4		0,4	
-	Thuế môn bài	10 ⁹ đ					0,0	0,0				0,0		0,0	
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	1,6	1,0	0,2	0,4	2,4	1,7		0,7	149%	2,1	2,0	0,1	0,0
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	11,7	6,8	0,4	4,5	15,7	10,4	0,8	4,5	135%	11,7	10,8	0,9	0,0
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	11,7	6,8	0,4	4,5	15,7	10,4	0,8	4,5	135%	11,7	10,8	0,9	0,0
3	Tình hình hoàn thuế GTGT	10 ⁹ đ					0,0					0,0			
-	Thuế GTGT được hoàn trong kỳ	10 ⁹ đ	25,0		25,0		22,9	6,6	16,3		92%	6,5	4,0	2,5	
-	Thuế GTGT đã hoàn trong kỳ	10 ⁹ đ					20,6	6,6	14,0			8,0	4,0	4,0	
-	Thuế GTGT chưa được hoàn cuối kỳ	10 ⁹ đ					4,0	4,0	4,0			0,0		0,0	
VII	Tiền lương và thu nhập	10 ⁹ đ					0,0					0,0			
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	2.898,0	1.778	120	1.000	2.774,0	1.596	223	955	96%	2.960,0	1.755	250	955
2	CBCNV bình quân	người	2.898,0	1.778	120	1.000	2.941,0	1.781	205	955	101%	2.880,0	1.760	220	900
3	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	171,1	96,0	6,5	68,6	181,5	112,7	9,2	59,6	106%	189,2	118,3	13,0	57,9
-	Trong đó: BHXH trả thay lương	10 ⁹ đ					0,0					0,0			
4	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	6,5	5,5	0,2	0,8	4,1	2,1	0,9	1,1	63%	5,4	4,2		1,2

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2011												Năm 2012		
			Kế hoạch						Thực hiện						% hoàn thành KH		
			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con
			Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con	Công ty liên kết							
5	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ d	4,9	4,5	4,5	5,7	5,1	5,3	3,7	5,2	5,5	5,6	4,9	5,4			
6	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ d	5,1	4,8	4,7	5,8	5,3	5,4	4,1	5,3	5,6	5,8	4,9	5,5			
VII Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ																	
1	Nguyên giá TSCĐ bq căn trích KH	10 ⁹ d	327,9	252,0	7,7	68,2	308,1	224,2	16,4	67,5	981,0	585,9	334,1	61,0			
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ d	80,7	63,2	1,5	16,0	51,8	33,9	2,3	15,6	150,0	100,7	33,4	15,9			
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	24,6%	10,0%	19,5%	23,5%	16,8%	18,1%	15,2%	47,0%	15,3%	17,2%	10,0%	26,0%			
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ d	675,0	598,8	7,9	68,3	687,1	598,8	7,9	80,4	794,8	697,7	16,4	80,7			
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ d	762,9	674,2	10,4	78,3	794,8	697,7	16,4	80,7	1.520,8	1.078,5	360,0	82,3			
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ d	119,8	88,4	6,2	25,2	188,4	151,6	7,6	29,2	773,2	431,7	326,6	14,9			
IX Vay và trả nợ vay trung, dài hạn																	
1	Tổng mức vay trung, dài hạn	10 ⁹ d	217,5	52,8	156,0	8,7	182,6	47,3	129,5	5,8	287,8	268,9	16,0	2,9			
2	Trả nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 ⁹ d	56,2	39,1	15,0	2,1	49,1	26,6	20,4	2,1	78,3	39,5	36,0	2,8			
	- Trả gốc	10 ⁹ d	34,3	32,8		1,5	23,5	22,0	0,0	1,5	26,7	23,7	1,0	2,0			
	- Trả lãi	10 ⁹ d	21,9	6,3	15,0	0,6	25,6	4,6	20,4	0,6	51,6	15,8	35,0	0,8			
3	Nợ vay trung, dài hạn cuối kỳ	10 ⁹ d	256,7	58,7	196,0	2,0	239,7	63,4	169,3	7,0	511,6	308,1	195,0	8,5			
X Nguồn vốn chủ sở hữu		10 ⁹ d	582,7	366,0	100,0	116,7	597,2	371,1	113,0	113,1	593,1	376,4	100,0	116,8			
<i>a</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	10 ⁹ d	215,0	90,0	100,0	25,0	228,0	90,0	113,0	25,0	215,0	90,0	100,0	25,0			
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ d	47,6	47,6			47,6	47,6			47,6	47,6					
<i>b</i>	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ d	102,6	79,5		23,1	118,4	105,5	0,0	12,9	134,1	109,6	0,0	24,5			
<i>c</i>	Quỹ dự phòng tài chính	10 ⁹ d	22,9	20,4		2,5	21,9	19,4	0,0	2,5	25,0	22,5	0,0	2,5			
<i>d</i>	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ d	164,3	116,1		48,2	164,3	116,1	0,0	48,2	164,3	116,1	0,0	48,2			
<i>e</i>	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ d	0,0				0,0		0,0		0,0		0,0				
<i>f</i>	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ d	3,0	3,0			6,5	6,5	0,0		8,1	8,1	0,0				

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2011						Năm 2012							
			Kế hoạch			Thực hiện			% hoàn thành KH	Kế hoạch			Thực hiện			% hoàn thành KH
			Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con	Tổng số	Công ty liên kết	Trong đó Công ty con		Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con	Tổng số	Công ty mẹ	Trong đó Công ty con	
g	Lợi nhuận chưa phân phối:	10 ⁹ đ	74,9	57,0	0,0	17,9	58,1	33,6	0,0	24,5	77,6%	46,6	30,0	0,0	16,6	
XI	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	1.426,0	900,0	276,0	250,0	1.627,4	1.017,0	280,0	330,4	114%	1.770,0	1.050,0	370,0	350,0	
XII	Nợ phải trả		843,3	534,0	176,0	133,3	1.030,2	645,9	167,0	217,3	122%	1.176,9	673,6	270,0	233,2	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	3,9	5,9	1,8	5,3	4,8	7,2	1,5	8,7	122%	18,4	7,5	1,6	9,3	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,4	1,5	1,8	1,1	1,7	1,7	1,5	1,9	119%	5,4	1,8	1,6	2,0	
XIII	Đầu tư tài chính đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	41,0	38,0	0,0	3,0	41,7	36,9	0,0	4,8	102%	11,3	11,3	0,0	0,0	
1	- Đầu tư vào công ty con	10 ⁹ đ	38,0	38,0			36,9	36,9			97%	11,3	11,3			
	Cty CP ĐTXD và NL-SD5	10 ⁹ đ	38,0	38,0			36,9	36,9	0,0		97%	11,3	11,3			
2	- Đầu tư vào doanh nghiệp khác	10 ⁹ đ	3,0	0,0	0,0	3,0	4,8			4,8	160%	0,0				
	Đầu tư của cty SD 5.05 (Mua CP)	10 ⁹ đ	3,0			3,0	0,0			0,0		0,0				

Người lập biểu



Trần Thị Len

Kế toán trưởng



Ta Quang Dũng

Hà Nội, Ngày 19 tháng 02 năm 2012



CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2012

TT	Nội dung	Số tiền(triệu đồng)	Ghi chú
A	Nguồn vốn dự kiến có năm 2012	325.675	
1	Vốn dự kiến tạm ứng tại các công trình	150.000	
2	Nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến còn lại đến 31/12/2011(a-b)	175.675	
a	Nguồn vốn dự kiến đến 31/12/2011	370.600	
b	Nguồn vốn đã sử dụng cho mục đích dài hạn	194.925	
	- Đã đầu tư tài chính đến 31/12/2011	122.625	
	- Đã đầu tư TSCĐ đến 31/12/2011	72.300	
B	Nhu cầu vốn năm 2012	827.664	
B1	Trong đó: Vay ngân hàng	501.989	
B2	Vốn tự có	325.675	
I	Nhu cầu vốn dài hạn	392.073	
	Trong đó: Vay ngân hàng	263.480	
	Vốn tự có	128.593	
I.1	Đầu tư tài chính	11.273	
1	Công ty CP ĐTXD và phát triển năng lượng Sông Đà 5	11.273	
I.2	Đầu tư tài sản cố định	380.800	
	Trong đó: Vay ngân hàng	263.480	
	Vốn tự có	117.320	
II	Nhu cầu vốn lưu động		
1	Sản lượng	810.200	
2	Vòng quay vốn lưu động	1,86	
3	Nhu cầu vốn lưu động	435.591	
	Trong đó: Vay ngân hàng, các khoản chiếm dụng khác	238.509	
	Vốn tự có	197.082	
C	Nguồn vốn còn thiếu(A-B.2)	0	

Người lập biểu



Trần Thị Len

Kế toán trưởng



Tạ Quang Dũng

Hà Nội, Ngày tháng 2 năm 2012

Tổng giám đốc



Trần Văn Huyền

KẾ HOẠCH TÍN DỤNG TRUNG, DÀI HẠN NĂM 2012

ĐVT: 10⁶ đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Dự nợ ngày 01/01/12	KH vay năm 2012		Dự nợ ngày 31/12/12	Tên tổ chức cho vay		
							Đã có HĐTD	Chưa có HĐTD				
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty mẹ	489.603	328.762			63.453	0	263.480	22.825	15.032	304.108	
1	Dự án mua 02 căn trục + 03 máy xúc lật	4.320	2.592	36 tháng	KCĐ	244			244	24	0	BIDV Sơn La
2	Dự án mua 01 cầu thép sức nâng tối đa 12 tấn	3.762	2.257	42 tháng	KCĐ	1.072			1.072	214	0	Cty CP tái chính Sông Đà
3	Dự án mua 01 cầu thép sức nâng tối đa 12 tấn No2	2.970	1.782	34 tháng	KCĐ	969			969	194	0	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
4	Dự án HH4	14.000	8.400	96 tháng	KCĐ	10.843			1.804	1.700	9.039	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
5	Dự án xe tefoc	1.000	600	30 tháng	KCĐ	300			300	45	0	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
6	Dự án mua 05 xe trộn BT	2.937	1.762	44 tháng	KCĐ	2.137			800	427	1.337	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
7	Dự án mua máy đào bánh xích hiệu Kobelco	3.940	2.364	42 tháng	KCĐ	2.364			675	338	1.689	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
8	Dự án mua 05 xe ôtô trộn vữa bê tông	8.541	5.125	42 tháng	KCĐ	5.125			1.464	732	3.660	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
9	Dự án 08 xe ô tô DAWOO	12.085	7.251	42 tháng	KCĐ	7.251			2.072	800	5.179	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
10	Trạm trộn bê tông	2.320	1.392	42 tháng	KCĐ	1.392			398	199	994	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
11	Máy xúc lật	998	599	34 tháng	KCĐ	599			211	77	387	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
12	Trạm nghiền đá dăm	38.500	23.100	42 tháng	KCĐ	23.100			6.600	1.800	16.500	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
13	Cán trục xích	13.430	8.058	42 tháng	KCĐ	8.058			2.302	1.000	5.756	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
14	Máy xúc đào (2 chiếc)	10.800	6.480	34 tháng	KCĐ	6.480		6.480	1.372	800	5.108	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
15	Cán trục bánh lốp 50 tấn	17.500	10.500	34 tháng	KCĐ	10.500		10.500	2.224	1.100	8.276	Vietinbank - CN Sông Nhuệ
16	Máy bơm bê tông tĩnh	2.500	1.500	34 tháng	KCĐ	1.500		1.500	318	136	1.182	Cty CP tái chính Sông Đà
17	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm trộn, trạm lạnh và băng tải RCC thủy điện Lai Châu	350.000	245.000	48 tháng	KCĐ			245.000		5.444	245.000	SGDI-BIDV

LẬP BIỂU

Trần Thị Nguyệt

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tạ Quang Dũng



TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ
Công ty cổ phần Sông Đà 5

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2012

Cán cứ:

- Báo cáo thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2011
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của đơn vị.

Đơn vị: 10⁶ đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến đầu năm 2012				Lũy kế thanh toán vốn đầu tư đến đầu năm 2012				Kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm 2012						Tên TC cho vay									
			Tổng số	Xây lắp	Thiết bị	CP khác	Tổng công	Vốn tự có	Trong đó			Tổng công	Vốn tự có	Vốn ngân sách	Trong đó			Vốn khác								
									Vốn vay	Tin dụng nhà nước	Tin dụng thương mại				Vay nước ngoài	Vốn			Tin dụng nhà nước	Tin dụng thương mại	Vay nước ngoài					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
I	Công ty mẹ	560.614	163.514	-	79.814	83.700	163.514	83.700	-	47.888	-	31.926	-	397.100	-	380.800	16.300	392.073	11.273	-	263.480	-	-	-	117.320	
1	Đầu tư nâng cấp năng lực thi công	460.614	79.814	-	79.814	-	79.814	-	-	47.888	-	31.926	-	380.800	-	380.800	-	380.800	-	-	263.480	-	-	-	117.320	
2	Dự án mua máy đào bánh xích hiện có	3.940	3.940	-	3.940	-	3.940	-	-	2.364	-	1.576	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự án mua 05 xe tải trọng vừa hệ lồng	8.541	8.541	-	8.541	-	8.541	-	-	5.125	-	3.416	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Dự án 08 xe ô tô DAWOO	12.085	12.085	-	12.085	-	12.085	-	-	7.251	-	4.834	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Trạm trạm hệ lồng	2.320	2.320	-	2.320	-	2.320	-	-	1.392	-	928	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Máy xúc lật	998	998	-	998	-	998	-	-	599	-	399	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Trạm nghiên cứu đầm	38.500	38.500	-	38.500	-	38.500	-	-	23.100	-	15.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Cán trục v.v	13.430	13.430	-	13.430	-	13.430	-	-	8.058	-	5.372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
9	Máy xúc đào (2 chiếc)	10.800	10.800	-	10.800	-	10.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Cán trục bánh lốp 50 tấn	17.500	17.500	-	17.500	-	17.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
11	Máy bơm bê tông tĩnh trên, trạm lạnh và Sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm băng tải RCC thủy điện Lai Châu	2.500	2.500	-	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	100.000	100.000	-	100.000	-	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Sông Đà 5	100.000	100.000	-	100.000	-	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trần Thị Nguyệt

Tạ Quang Dũng

Trần Văn Huyền

Số: 19.../SD5-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2011

Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2011 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty theo đúng Nghị quyết:

Sửa đổi khoản 3, điều 2 của Điều lệ: trụ sở Công ty chuyển từ TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La đến Tầng 5 tháp B, tòa nhà HH4 khu đô thị Sông Đà – Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2012

Sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty phù hợp với hoạt động của Tập đoàn Sông Đà và qui định của Nhà nước khi cần.

Nơi nhận:

- TV HĐQT,
- Cổ đông,
- Tập đoàn Sông Đà,
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Khắc Tiệp

Số: 20../SĐ5- HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 về công tác tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2011

Công tác tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ: năm 2011 ổn định, không có thay đổi.

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC, NHÂN SỰ NĂM 2012

Công tác tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ: Dự kiến không thay đổi.

Nơi nhận:

- TV HĐQT,
- Cổ đông,
- Tập đoàn Sông Đà,
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2005;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Sông Đà 5 sửa đổi bổ sung lần thứ 6, năm 2011 liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát;

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 125 BKS/QĐ ngày 02/10/2009 của Ban kiểm soát Công ty;

- Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động kiểm soát năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm 2012 như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011

Thông qua chương trình hoạt động năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc theo quyền hạn và trách nhiệm của Ban:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị mở rộng hàng quý;

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm, năm 2011;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thông qua việc xem xét việc ban hành và thực thi các nghị quyết, quyết định, quy chế...;

- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ chứng từ kế toán, lập báo cáo tài chính từng kỳ;

- Tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ nhằm kiểm tra kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty trong năm.

Trong năm, do các thành viên đều thực hiện công tác kiêm nhiệm và có thành viên ở xa trụ sở Công ty dẫn đến Ban kiểm soát chưa giám sát kịp thời, chưa tổ chức họp hàng quý, chưa tổ chức được nhiều đợt kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Kết quả kiểm tra kiểm soát

1. Thẩm định công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao đúng với quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông;

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều có sự nhất trí cao của các thành viên, đồng thời được Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và đạt kết quả cao;

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tích cực và kịp thời trong công tác tìm kiếm việc làm mới đảm bảo việc làm, thu nhập cũng như lợi ích của Công ty trong thời gian tới như: xây dựng thủy điện Nậm Non, gói thầu XL02 nhà Quốc hội, thủy điện Sông Bung 4, Suối Chiếu... Đồng thời luân chuyển, sắp xếp điều động các Xí nghiệp tham gia thi công kịp thời tại các công trình Công ty tham gia thi công;

- Công tác quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn tại các công trình được Công ty đặc biệt chú trọng và quan tâm đúng mức, trong năm không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng, từ đó nâng cao thương hiệu của Công ty.

- Công tác ổn định tổ chức, sắp xếp, đổi mới các bộ phận phòng ban, các xí nghiệp trực thuộc khi Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm đúng mức, kịp thời từ đó các mặt quản lý của Công ty không bị gián đoạn.

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá của Hội đồng quản trị tại báo cáo thường niên năm 2011 và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội này.

- Đặc biệt trong điều kiện tín dụng thắt chặt, lạm phát tăng cao, các Chủ đầu tư nơi đơn vị thi công thiếu vốn nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt công tác tài chính, tín dụng, thu hồi vốn, từ đó đảm bảo đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, trả lương của người lao động tương đối kịp thời.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu mà Công ty đạt được trong năm qua, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn còn một số tồn tại cần sớm được khắc phục trong thời gian tới, cụ thể:

- Công tác phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa thực hiện; quyết toán chi phí nguyên, nhiên vật liệu chủ yếu, nhân công, chí phí quản lý chưa thực hiện kịp thời từ đó không phân tích được lãi, lỗ từ khâu nào, công việc nào, bộ phận nào. Do vậy gây khó khăn cho công tác quản trị doanh nghiệp.

- Công tác khoán chi phí quản lý chưa được thực hiện đồng bộ (Cơ quan Công ty và Chi nhánh Hà Nội chưa thực hiện khoán và khoán không hết chi phí quản lý (đã khoán chi phí lương, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng xe máy). Tuy nhiên chưa xây dựng khoán các khoản mục chi phí lớn như TSCĐ, CCDC phục vụ quản lý, nhiên liệu, tiếp khách, chi phí sửa chữa thường xuyên...). Dẫn đến chi phí quản lý chưa giảm được bao nhiêu so với năm 2010 (tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh số = 6.8%, cao hơn đầu thu).

- Công tác tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển CBCNV chưa thực sự tốt, dẫn đến việc thiếu cán bộ nguồn, thiếu lao động tại các công trình mới (*đặc biệt là thiếu công nhân chất lượng cao cho các công trình*). Số lượng tuyển dụng mới ít hơn so với số lượng công nhân viên bỏ việc.

- Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí chưa được quan tâm đúng mức;

2. *Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty năm 2011*

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo kết quả kinh doanh. Đa số các chỉ tiêu đều hoàn thành so với kế hoạch được nêu trong nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011, cụ thể:

- Tổng giá trị SXKD: 973.984.000.000 đồng, đạt 117,7% kế hoạch
- Doanh thu: 988.989.000.000 đồng, đạt 109,9% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 39.612.000.000 đồng, đạt 66,0% kế hoạch
- Nộp ngân sách: 59.754.000.000 đồng, đạt 98,9% kế hoạch
- Thu nhập bình quân đạt: 5.370.000 đồng, đạt 111,8% kế hoạch
- Chỉ tiêu nợ phải trả/vốn CSH: 1.742 lần (Năm 2010: 1.064 lần)
- Công tác đầu tư: 110.084.000.000 đồng, đạt 89,7% kế hoạch

Kết quả sản xuất kinh doanh cho thấy trong điều kiện vĩ mô hết sức khó khăn, đặc biệt với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nhưng Công ty bằng mọi nguồn lực của mình đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được đại hội đồng cổ đông 2011 giao. Mặc dù chỉ tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận đã không đạt được nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn tìm đủ việc làm, đảm bảo lương và chế độ của người lao động, đảm bảo nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó cũng còn một số tồn tại cần khắc phục như:

- Lợi nhuận đạt thấp trong khi tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu không tăng. Như vậy do tăng mạnh chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm 2012 Công ty cần đề ra những biện pháp thật cụ thể để giảm chi phí này.

- Nợ phải trả/vốn CSH tăng 63,7% (1.742/1.064) so với năm 2010, trong điều kiện vốn CSH vẫn tăng chứng tỏ Công ty đã tăng nợ phải trả để bù đắp tài chính cho SXKD mà cụ thể là tăng nợ vay ngân hàng (324.5 - 246.8 = 77.7 tỷ đồng). Với Lãi vay vốn vẫn cao như hiện nay, việc tăng tiền vay ngân hàng làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp giảm mạnh.

- Công tác đầu tư chưa đạt kế hoạch (89.7%). Việc góp vốn vào công ty con là Công ty CP ĐT và PT năng lượng SDD đạt rất thấp (57%) từ đó ảnh hưởng tới việc phát điện thủy điện Sông Cháy 5.

- Vòng quay vốn lưu động đạt thấp (1.6 vòng) thấp hơn thực hiện cùng kỳ năm 2010 (2.54 vòng). Tốc độ thu hồi vốn chậm, do vậy Công ty phải tăng vốn vay

để tài trợ cho vốn lưu động, trong điều kiện lãi vay vẫn ở mức cao sẽ dẫn đến lợi nhuận sụt giảm mạnh.

- Giá trị hàng tồn kho lớn, công nợ phải thu khách hàng, phải thu tạm ứng lớn và tăng mạnh so với cuối năm 2010 dẫn đến nguồn lực của Công ty bị phân tán và gây khó khăn cho công tác quản lý tài chính, dòng tiền

3. *Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2011*

Năm 2011, Công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, của Chuẩn mực kế toán. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, kịp thời và đúng mẫu biểu của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty tại thời điểm 31/12/2011. Góp phần quan trọng vào việc điều hành hoạt động hiệu quả của Ban lãnh đạo Công ty cũng như giúp các cổ đông, các nhà đầu tư trong việc ra quyết định của mình.

4. *Kiểm soát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông*

- Trong năm 2011, Ban kiểm soát nhận được tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, tuy nhiên việc gửi các tài liệu này cho Ban kiểm soát chưa kịp thời và đôi khi còn thiếu; đặc biệt tài liệu gửi cho thành viên Ban kiểm soát là không đầy đủ và chưa kịp thời;

- Việc phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc trong năm 2011 chưa được tốt;

- Trong năm 2011, công tác trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát Công ty với các cổ đông chưa tốt, chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Hạn chế này do các thành viên Ban kiểm soát đều thực hiện công tác kiêm nhiệm đồng thời trong năm hoạt động của Ban kiểm soát chưa thực sự hiệu quả.

III. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm 2012:

1. Kiến nghị với Ban Tổng giám đốc cần lưu ý đến việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính của Công ty, như việc rà soát và có biện pháp giải quyết giảm nhanh các khoản phải thu, hàng tồn kho, tạm ứng...nhằm tạo thêm vốn cho Công ty, tránh việc sử dụng lãng phí vốn vay.

2. Kiến nghị Công ty cần cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty cho tất cả các thành viên của Ban kiểm soát nhằm tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành nghĩa vụ của mình với Công ty, với cổ đông.

3. Kiến nghị Ban giám đốc Công ty cần tập trung hơn nữa cho công tác tìm việc làm mới - đặc biệt trong năm 2012. Tăng cường công tác tuyển dụng lao động có tay nghề, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt ưu tiên cho công tác đào tạo cán bộ quản lý tại các công trình mới, các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc. Đồng thời có chế độ ưu đãi hơn đối với CBCNV có trình độ tay nghề cao.

4. Kiến nghị Công ty cần sớm có cơ chế tạo chủ động cho các Xí nghiệp và Chi nhánh trực thuộc trong các vấn đề về quản lý nhân sự, quản lý vật tư, cơ giới, kinh tế, tài chính... cũng như khoản toàn bộ chi phí quản lý cả cơ quan công ty, chi nhánh Hà nội theo cơ chế thích hợp nhằm tạo chủ động, tăng cường trách nhiệm, tăng tính cạnh tranh giữa các Xí nghiệp, Chi nhánh trong Công ty cũng như kiểm soát được chi phí này.

5. Kiến nghị Ban Tổng giám đốc Công ty tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư. Sớm triển khai công tác phân tích sản xuất kinh doanh năm 2011 nhằm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty được kịp thời, hiệu quả.

6. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty giao Ban lãnh đạo Công ty sớm xây dựng bộ máy Ban kiểm soát với ít nhất một thành viên chuyên trách nhằm tăng cường tính chủ động, trách nhiệm trong công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2012 nên mời đại diện Ban kiểm soát tham dự để tham gia đóng góp các ý kiến cũng như nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Kế hoạch công tác năm 2012 của Ban kiểm soát Công ty

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được nêu trong Quy chế tổ chức hoạt động đã được thông qua, Ban kiểm soát sẽ thay mặt cổ đông để kiểm tra, kiểm soát, thẩm định các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát Công ty sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, tập trung vào một số công tác sau:

- Tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Tình hình xây dựng cơ chế khoán, mô hình quản lý các chi nhánh xí nghiệp trực thuộc của Công ty;
- Việc lập Báo cáo tài chính hàng quý;
- Việc ra nghị quyết, quyết định, quy định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành Công ty.
- Công tác quản lý và sử dụng các nguồn lực của Công ty.

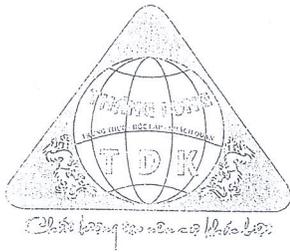
Nơi nhận:

- ĐH đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban giám đốc Công ty;
- Tviên B. Kiểm soát Công ty;
- Lưu BKS, Phòng TCHC Công ty.

T/M Ban kiểm soát
Trưởng Ban



Lê Văn Sinh



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T. D.K. AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	-Tel: (04)6 251 0008	-Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, phường 11	-Tel: (08)3 589 7462	-Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP.HCM	-Tel: (08)3 848 0763	-Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP.Đà Nẵng	-Tel: (0511)3 651 818	-Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu	-Tel: (025)3 718 545	-Fax: (025)3 716 264

Số: ~~108~~ 311/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 được lập ngày 20 tháng 01 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG - T.D.K
Tổng Tổng Giám đốc



TU QUỲNH HẠNH
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0313/KTV

Kiểm toán viên

ĐỖ ĐỨC TUẤN
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0372/KTV

PHƯƠNG ÁN
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2011

Căn cứ lập:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 5;
- Tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận năm 2011.

TT	Nội dung	Phân chia		Ghi chú
		Tỷ lệ	Số tiền	
I	Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2011			
1	Tổng Lợi nhuận thực hiện năm 2011		39.612.002.140	
1.1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD năm 2011		37.577.102.140	
1.2	Cổ tức năm 2010 của Công ty CP Sông Đà 505		2.034.900.000	
2	Tổng Lợi nhuận chịu thuế (1-1.2)		37.577.102.140	
3	Thuế TNDN phải nộp	25%	7.313.786.965	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (1-3)		32.298.215.175	
5	Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển		729.349.655	
II	Lợi nhuận còn lại và phương án phân chia		32.298.215.175	
1	Tổng số lợi nhuận còn lại		32.298.215.175	
2	Trích lập các quỹ			
2.1	Quỹ dự phòng tài chính (II.1 x 9,5%)	9,5%	3.079.310.811	
2.2	Quỹ đầu tư phát triển		4.314.323.980	
	Trong đó:			
	- Trích từ Lợi nhuận năm 2011	11,1%	3.584.974.325	
	- Thuế TNDN năm 2011 được giảm		729.349.655	
2.3	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (theo Đ 44 Điều lệ Công ty)	5,0%	1.614.910.759	
2.4	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.397.535.946	
	- Quỹ khen thưởng	5,0%	1.614.910.759	
	- Quỹ phúc lợi	21,0%	6.782.625.187	
2.5	Lợi nhuận sau trích lập các quỹ	48,4%	15.621.483.334	
3	Chia cổ tức năm 2011 tỷ lệ 18% (3.1+3.2)		16.200.000.000	
3.1	Lợi nhuận năm 2010 để lại chưa chia		578.516.666	
2.7	Lợi nhuận năm 2011 sau trích các quỹ		15.621.483.334	
III	Lợi nhuận chưa phân phối		0	

Từ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011; quy định về phân phối lợi nhuận trong điều lệ Công ty. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức bằng tiền năm 2011;
- Thời gian chốt danh sách để trả cổ tức năm 2011: dự kiến trong tháng 5/2012;
- Thời gian thanh toán cổ tức cho các cổ đông: dự kiến trong tháng 8/2012;

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2012

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội ĐCĐ năm 2012;
- Thành viên HĐQT và BKS;
- Lưu HĐQT, TCKT, QTNS



Vũ Khắc Tiệp

Hà Nội, Ngày 27 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO

Về việc chi trả tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2011
và phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2012

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 60/2009/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Quyết định số: 217 TCT/HĐQT ngày 27/8/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà về việc ban hành quy chế trả lương, phụ cấp và thù lao cho Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các Công ty cổ phần;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 5;

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 5 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2011. Dự kiến phương án trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2012 như sau:

1. - Việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2011:

Bộ phận	Số lượng	Mức chi theo NQ ĐHĐCĐ	Thực tế chi	Chênh lệch
I. Hội đồng quản trị	5	1.008.000.000	988.000.000	20.000.000
1. Chủ tịch HĐQT	1	420.000.000	410.000.000	10.000.000
2. UV HĐQT chuyên trách	1	300.000.000	290.000.000	10.000.000
3. Hội đồng quản trị (Không chuyên trách)	3	288.000.000	288.000.000	
II. Ban kiểm soát	3	216.000.000	216.000.000	
1. Trưởng ban	1	96.000.000	96.000.000	
2. Thành viên	2	120.000.000	120.000.000	
III. Thư ký Công ty	1	72.000.000	72.000.000	
Cộng		1.296.000.000	1.276.000.000	20.000.000

- Chênh lệch: 20.000.000 đồng do tháng 01+02/2011, Công ty thanh toán tiền lương cho CT HĐQT và UV HĐQT chuyên trách theo mức lương + thù lao theo NQ ĐHĐCĐ năm 2010. Từ tháng 03-12/2011, thanh toán theo NQ ĐHĐCĐ năm 2011.

2. Dự kiến mức chi trả Tiền lương, thù lao cho HĐQT Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2012 (theo QĐ 217 TCT/HĐQT ngày 27/8/2009):

2.1 Tiền lương: Của chủ tịch HĐQT và uỷ viên chuyên trách

2.2 Tiền thù lao: của uỷ viên không chuyên trách

Bộ phận	Số người	Mức chi 1 người/tháng	Mức chi 1 tháng	Tổng mức chi 1 năm
I. Hội đồng quản trị	5		84.000.000	1.008.000.000
1. Chủ tịch HĐQT (Lương)	1	35.000.000	35.000.000	420.000.000
2. Uỷ viên chuyên trách (Lương)	1	25.000.000	25.000.000	300.000.000
3. Uỷ viên không chuyên trách (thù lao)	3	8.000.000	24.000.000	288.000.000
II. Ban kiểm soát	3		18.000.000	216.000.000
1. Trưởng ban	1	8.000.000	8.000.000	96.000.000
2. Thành viên	2	5.000.000	10.000.000	120.000.000
III. Thư ký Công ty	1	6.000.000	6.000.000	72.000.000
Cộng	9		108.000.000	1.296.000.000

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, QTNS, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Khắc Tiệp